

Bản án số: 631/2018/DS-PT
Ngày: 27-6-2018
V/v tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Lê Ngọc Tường**
2. Bà **Phạm Thị Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Đào Thị Xuân Hồng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 và ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2018/TLPT - DS ngày 23/4/2018, về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 149/2018/DS-ST ngày 12/3/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2160/2018/QĐ – PT, ngày 11/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản - Phát triển nhà A

Địa chỉ: Lầu 1 Tòa nhà F, số 799 đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty có bà **Phạm Thị C**, sinh năm 1984; (Theo Giấy ủy quyền số 04/GUQ-HDReal ngày 31/7/2017)(có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quang B, sinh năm 1971; (vắng mặt)

Địa chỉ: 351/15/2 đường X, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ khác: 15/2 đường X, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hưng có ông **Lê Minh D**, sinh năm 1975, (có mặt)

Địa chỉ: 259A đường X, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền số 011282 ngày 31/10/2017 và ngày 02/11/2017 tại Văn phòng công chứng T)

3. *Người kháng cáo:* Ông **Nguyễn Quang B**, sinh năm 1975 – Bị đơn.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Minh D**, sinh năm 1975.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2017, nguyên đơn Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản - Phát triển nhà A có người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị C trình bày:

Ông Nguyễn Quang B được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản - Phát triển nhà A (Gọi tắt là Công ty HD R) từ ngày 01/6/2010. Khi về làm việc tại Công ty HD R, ông B vẫn là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Bê tông Sài Gòn S (Gọi tắt là Công ty X). Ông Nguyễn Quang H - Đại diện theo pháp luật của Công ty X là anh ruột của ông Nguyễn Quang B.

Ngày 01/6/2010, Công ty HD R và Công ty X ký Hợp đồng thuê xe số: 05 - 2010/HĐTX/SG620 nội dung: Công ty X cho Công ty HD R thuê xe ô tô 7 chỗ, nhãn hiệu AUDI, Biển kiểm soát: 56N - 7101, giá thuê mỗi tháng 2.500 USD, thời hạn thuê xe tính từ ngày 01/6/2010. Năm 2012, chiếc xe cho thuê có sự thay đổi biển kiểm soát mới là 51A - 29079 nên hai bên ký Phụ lục Hợp đồng thuê xe số: PL01/05 - 2010/HĐTX/SG620 ngày 03/4/2012. Việc ông B ký Hợp đồng thuê xe với Công ty X không công khai thông tin cũng như không được Đại hội Cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của Công ty HD R chấp nhận. Theo Điều lệ hoạt động của Công ty HD R không có quy định nào về việc thuê xe cho Tổng Giám đốc. Việc thuê xe nêu trên là để phục vụ cho cá nhân ông B khi về làm Tổng Giám đốc Công ty HD R và khi ông B đi thì chiếc xe cũng không còn, Công ty HD R không có sử dụng chiếc xe đó.

Ngày 11/9/2013, Công ty X khởi kiện Công ty HD R tại Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Công ty HD R thanh toán tiền thuê xe và tiền lãi phát sinh. Tại bản án số: 96/2015/KDTM - ST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty X buộc Công ty HD R thanh toán tiền thuê xe cho Công ty X là 1.789.145.476 đồng. Bản án phúc thẩm số: 284/2016/KDTM-PT ngày 02/03/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngày 19/01/2017, Công ty HD R đã thanh toán cho Công ty X số tiền trên nên Công ty HD R yêu cầu ông B phải hoàn trả lại cho Công ty HD R 1.789.145.476 đồng vì ông B thuê xe trên để sử dụng cho cá nhân ông B.

Bị đơn ông Nguyễn Quang B có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Minh D trình bày:

Tháng 6/2010, ông Nguyễn Quang B làm việc tại Công ty HD R, với chức vụ là Tổng Giám đốc. Trong quá trình công tác tại Công ty HD R do nhu cầu đi lại, tiếp khách, mở rộng quan hệ ngoại giao với các đối tác nên Công ty HD R đã sửa chữa lại văn phòng làm việc, trang bị phương tiện xe ô tô cao cấp cho Lãnh đạo Công ty (trong đó có ông B) để phục vụ nhu cầu công việc chính của Công ty HD R và mục tiêu phát triển kinh doanh.

Ngày 01/6/2010, Công ty HD R và Công ty X ký Hợp đồng thuê xe số: 05 - 2010/HĐTX/SG 620. Sau khi ký Hợp đồng thì Công ty X giao xe cho Công ty HD R, ông B và một số Lãnh đạo trong Công ty sử dụng xe với mục đích phục vụ công việc cho Công ty từ tháng 6/2010 đến tháng 01/2013. Trong suốt quá trình thuê xe thì toàn bộ các chi phí sử dụng xe do Công ty HD R thanh toán.

Năm 2013 ông B không làm Tổng Giám đốc Công ty HD R, ông B đã giao toàn bộ công việc cho người kế nhiệm. Do đó, việc thanh toán tiền thuê xe và xác nhận công nợ tiền thuê xe giữa Công ty HD R và Công ty X do người đại diện theo pháp luật kế nhiệm thực hiện, ông B không còn liên quan. Ông B không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty HD R.

Bản án số 149/2018/DS-ST ngày 12/3/2018 của Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Quang B phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản - Phát triển nhà A số tiền 1.789.145.476 đồng (Một tỷ bảy trăm tám mươi chín triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn bốn trăm bảy mươi sáu đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản - Phát triển nhà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Quang B chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông B còn phải trả cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản - Phát triển nhà A tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/3/2018, bị đơn – Ông Nguyễn Quang B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Quang B có người đại diện ủy quyền trình bày kháng cáo: Việc ký kết hợp đồng thuê xe ngày 01/6/2010 giữa Công ty HD R và Công ty X là công khai, minh bạch. Tuy không có văn bản nhưng tất cả thành viên Hội đồng quản trị Công ty HD R đều biết. Việc thuê xe thực hiện bởi bộ phận hành chính nhân sự của công ty. Việc sử dụng xe là phục vụ cho công việc của công ty. Trong thời gian sử dụng xe thuê từ tháng 6/2010 đến tháng 01/2013 thì toàn

bộ chi phí sử dụng xe như tiền xăng, phí bảo hiểm, phí cầu đường, chi phí bảo dưỡng xe đều do bộ phận hành chính, kế toán của Công ty HD R chi trả, hạch toán vào chi phí hoạt động của công ty.

Đầu năm 2013, ông B không còn là Tổng giám đốc của Công ty HD R nên ông B đã bàn giao cho người kế nhiệm, việc tính tiền thuê xe và xác nhận công nợ tiền thuê xe với Công ty X do bộ phận kế toán và Tổng giám đốc mới của Công ty HD R thực hiện, ông B không còn liên quan. Như vậy, việc ký hợp đồng thuê xe để phục vụ cho mục đích phát triển công ty, ông B không có lỗi không gây thiệt hại cho Công ty HD R nên ông B không có trách nhiệm phải bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn Công ty HD R đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Việc ông B là Tổng giám đốc Công ty HD R ký kết hợp đồng thuê xe với Công ty X mà không thông qua Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông là không đúng quy định, vi phạm Điều 53.1 Điều lệ của Công ty HD R và Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp năm 2005. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không có chứng cứ chứng minh việc thuê xe đã được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông Công ty HD R, ông B tự ý thực hiện ký hợp đồng gây thiệt hại cho Công ty HD R thì ông B phải có trách nhiệm trả lại số tiền mà Công ty HD R đã trả cho Công ty X.

Từ những nhận định trên, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, xét đánh giá kết quả tranh tụng, tranh luận của đương sự tại phiên tòa, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Quang B về yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy :

[1.1] Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/NQ-HĐQT-HDR ngày 10/5/2010 của Công ty HD R; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/10/2011; lần thứ 7 ngày 06/7/2012; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số: 0305293992, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, sự thừa nhận của các đương sự có đủ cơ sở xác định từ năm 2010 đến năm 2012, ông Nguyễn Quang B được bổ

nhệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty HD R.

[1.2] Tại phiên tòa các đương sự đều xác nhận: Ngày 01/6/2010, ông Nguyễn Quang Hưng đại diện Công ty HD R và ông Nguyễn Quang H đại diện Công ty X ký kết Hợp đồng thuê xe số: 05-2010/HĐTX/SG620 và Phụ lục Hợp đồng thuê xe số: PL01/05 - 2010/HĐTX/SG620 ngày 03/4/2012. Công ty X cho Công ty HD R thuê chiếc xe biển kiểm soát số 56N-7101; Nhãn hiệu AUDI; Xe ô tô 7 chỗ ; Giá thuê 2.500USD/tháng; Thời hạn thuê tính từ ngày 01/6/2010. Quá trình thuê xe, Công ty HD R không trả tiền thuê xe như hợp đồng đã ký.

Do đó, ngày 11/9/2013, Công ty X khởi kiện yêu cầu Công ty HD R trả tiền thuê xe và đã được hai cấp Tòa án sơ thẩm và Tòa án phúc thẩm Thành phố Hồ Chí Minh xét xử buộc Công ty HD R trả cho Công ty X số tiền 1.789.145.476 đồng. Bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty HD R đã thi hành án xong.

Sau khi thi hành án trả số tiền trên cho Công ty X xong, Công ty HD R khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang B trả lại số tiền 1.789.145.476 đồng cho Công ty HD R.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty HD R có người đại diện ủy quyền trình bày: Ông B với chức vụ Tổng giám đốc đã ký hợp đồng thuê chiếc xe trên để phục vụ cho cá nhân ông B mà không thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của công ty. Điều lệ công ty không có quy định về việc thuê xe cho Tổng giám đốc dùng làm phương tiện đi lại, việc ông B ký hợp đồng thuê xe gây thiệt hại đến công ty nên yêu cầu ông B phải bồi thường.

[1.4] Bị đơn ông B có người đại diện ủy quyền cho rằng: Ông B ký hợp đồng thuê xe để phục vụ công việc kinh doanh của Công ty HD R, cho lãnh đạo đi ngoại giao tiếp khách nhằm phát triển công ty. Việc thuê xe là công khai minh bạch, Ban lãnh đạo Công ty đều biết rất rõ nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.5] Xét thấy: Căn cứ Khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp và Điều 53.1 Điều lệ Công ty HD R năm 2007 thể hiện: Hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc;

c) Doanh nghiệp quy định điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

[1.6] Xét, khi giữ chức vụ Tổng giám đốc ông B ký kết hợp đồng thuê xe với Công ty X, không thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, cũng như không có văn bản thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị Công ty

HD R về nội dung của giao dịch thuê xe với Công ty X để phục vụ phát triển cho Công ty HD R từ ngày 01/6/2010.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng việc thuê xe để sử dụng cho việc phát triển công ty, ban lãnh đạo của Công ty HD R đều biết rõ. Tuy nhiên, bị đơn không có chứng cứ chứng minh về việc ký kết hợp đồng thuê xe đã thông qua Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông như Điều lệ công ty quy định.

[1.7] Tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng thuê xe ngày 01/6/2010, ông Nguyễn Quang B là Tổng giám đốc Công ty HD R và ông Nguyễn Quang H là Tổng Giám đốc Công ty X. Ông B, ông H là anh em ruột. Đồng thời, ông B cũng có 54.100 cổ phần của Công ty X. Tuy nhiên, ông B không công khai các lợi ích liên quan của ông B với Hội đồng quản trị Công ty HD R là vi phạm Điều 51 Điều lệ Công ty HD R năm 2007. Hơn nữa, theo Điều lệ của Công ty HD R không có quy định trang bị xe cho Tổng Giám đốc hoặc Ban lãnh đạo công ty.

[1.8] Như vậy, việc ông Hưng ký hợp đồng thuê xe ngày 01/6/2010, ông B không thông qua Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông là không đúng quy định, vi phạm Điều lệ công ty; vi phạm Điều 118, Điều 119 và Khoản 4 Điều 120 Luật doanh nghiệp. Bởi lẽ, Hội đồng thành viên Công ty HD R không biết, không phê duyệt về việc thuê xe cho Tổng giám đốc hay cho Ban lãnh đạo công ty sử dụng, từ đó không quyết toán tiền thuê xe. Không có văn bản, Nghị quyết nào của Hội đồng thành viên công ty đồng ý để ông B đại diện thuê xe cho Ban lãnh đạo công ty sử dụng để phát triển công ty. Ông B đã thực hiện ký hợp đồng thuê xe vượt quá thẩm quyền nên ông B phải chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định Khoản 2 Điều 143 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 14 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

[1.9] Mặt khác, khi ký phụ lục hợp đồng thuê xe ngày 03/4/2012, thời gian này ông B còn là Tổng giám đốc, ông B không kiểm tra, quyết toán việc trả tiền thuê xe hàng tháng cho Công ty X theo hợp đồng do chính ông B ký kết. Từ việc ông B ký hợp đồng thuê xe không đúng quy định dẫn đến không quyết toán tiền thuê xe cho Công ty X từ ngày 01/6/2010 đến tháng 01/2013, số tiền lên đến 1.789.145.476, gây thiệt hại cho Công ty HD R.

[1.10] Tại Điều 49.5 Điều lệ Công ty HD R quy định: Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

[1.11] Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2015/KDTM-ST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án số 284/2016/KDTM-PT ngày 02/3/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực. Cả hai bản án xác định hợp đồng thuê xe là vô hiệu, buộc Công ty HD R phải trả cho Công ty X số tiền 1.789.145,476 đồng. Theo Giấy

xác nhận Thi hành án Quyết định thi hành án số: 1517/QĐ - CCTHADS ngày 06/5/2016 và Giấy xác nhận kết quả thi hành án số: 487/GXN - THADS ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện Công ty HD R đã trả tiền thuê xe 1.789.145.476 đồng cho Công ty X xong.

[1.12] Tại Điều 53.4 Điều lệ Công ty HD R quy định: Hợp đồng giao dịch vô hiệu và xử lý theo quy định pháp luật khi được giao hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điều 53.2 và Điều 53.3 của Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng giao dịch đó.

Tại Điều 597 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được pháp nhân giao; nếu pháp nhân đã bồi thường thiệt hại thì có quyền yêu cầu người có lỗi trong việc gây thiệt hại phải hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật.

[1.13] Như đã nhận định trên, ông B ký hợp đồng thuê xe không đúng quy định, vi phạm Điều lệ công ty dẫn đến hợp đồng vô hiệu là do lỗi ông B nên Tòa án sơ thẩm buộc ông B phải có trách nhiệm trả lại số tiền 1.789.145.476 đồng cho Công ty HD R là có căn cứ.

[1.14] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện ủy quyền ông B cho rằng: Việc ký kết hợp đồng thuê xe ngày 01/6/2010 giữa Công ty HD R và Công ty X là công khai, minh bạch. Tuy nhiên, bị đơn không xuất trình được chứng cứ thể hiện tất cả thành viên Hội đồng quản trị của Công ty HD R chấp thuận thuê xe cho công ty.

[1.15] Tại phiên tòa người đại diện của bị đơn cho rằng: Việc thuê xe thực hiện bởi bộ phận hành chính nhân sự của Công ty HD R. Việc sử dụng xe là phục vụ cho công việc của công ty. Trong thời gian sử dụng xe thuê từ tháng 6/2010 đến tháng 01/2013 thì toàn bộ chi phí sử dụng xe như tiền xăng, phí bảo hiểm, phí cầu đường, chi phí bảo dưỡng xe đều do bộ phận hành chính, kế toán của Công ty HD R chi trả, hạch toán vào chi phí hoạt động của công ty. Việc xác nhận công nợ tiền thuê xe với Công ty X do bộ phận kế toán và Tổng giám đốc mới của Công ty HD R thực hiện và việc thuê xe là để phục vụ cho công ty, ông B không có lỗi.

Xét, thời điểm 2013, ông B không còn Tổng giám đốc nên việc xác nhận công nợ tiền thuê xe với Công ty X thì người kế nhiệm phải thực hiện. Từ đó, Tòa án hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm mới có căn cứ buộc Công ty HD R phải trả cho Công ty X số tiền trên. Như vậy, lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu thuộc về ông B vì trong quá trình ký kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng ông B không thông qua Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông của công ty nên bản án sơ thẩm buộc ông B phải trả lại cho Công ty HD R số tiền trên là đúng. Do đó, kháng cáo của ông B không có căn cứ chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Khoản 1, 2 Điều 468 và Điều 597 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Quang B,

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2018/DSST ngày 12/3/2018 của Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh ;

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Quang B phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản - Phát triển nhà A số tiền 1.789.145.476 (Một tỷ bảy trăm tám mươi chín triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn bốn trăm bảy mươi sáu) đồng. Thi hành ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản - Phát triển nhà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Quang B chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông B còn phải trả cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản - Phát triển nhà A tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải chịu 65.674.364 (Sáu mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm sáu mươi bốn) đồng.

Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 32.837.182 (Ba mươi hai triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn một trăm tám mươi hai) đồng cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản - Phát triển nhà A theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006606 ngày 25/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quang B phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng ông B đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0007988 ngày 26/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tường

Phạm Thị Thảo

Nguyễn Thị Thu Hằng

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Bình, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (T 17).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hằng

